

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 8 - 2024

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mạnh Hùng và Bà Bùi Thị Kim Loan;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Lê - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2024/ TLST – HNGĐ ngày 22/5/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 06/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Đỗ Đình H, sinh năm 1951; nơi thường trú: tổ G, khu G, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: tổ C, khu E, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1961; nơi thường trú: tổ C, khu E, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: tổ A, khu L, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2024, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đỗ Đình H đều trình bày: ông và bà Nguyễn Thị H1 kết hôn vào năm 1982 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C. Vào thời điểm ông bà đăng ký kết hôn thì UBND phường C có ghi vào sổ kết hôn nhưng do thời gian đã lâu cho đến nay thì Ủy ban phường cũng không còn lưu trữ hồ sơ đăng ký kết hôn của ông bà nữa. Trước khi kết hôn ông bà cũng có thời gian tìm hiểu nhau 03 năm, sau kết hôn thì về sống tại nhà riêng ở tổ C, khu E, phường C, thành phố C. Cuộc sống chung của ông bà sau kết hôn chỉ bình thường được một thời gian đầu đến năm 1990 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông chưa có ý định sinh con thứ 2 vì kinh tế gia đình còn nhiều khó khăn nhưng bà H1 không tôn trọng ý kiến của ông mà lại nghe những lời xúi

giục của những người ngoài và cố tình sinh con thứ hai, bà H1 không quan tâm đến mong muốn, nguyện vọng của ông khiến cho tình cảm vợ chồng rạn nứt nhưng vì thương các con còn nhỏ nên ông cố gắng chung sống với bà H1. Mâu thuẫn giữa ông với bà H1 không khắc phục được mà ngày càng trầm trọng hơn, do không còn tình cảm dành cho bà H1 nên ông quyết định chuyển sang H sinh sống, ông chỉ đi về để thăm nom các con, ông bà không còn bàn bạc với nhau về bất cứ vấn đề gì, kinh tế trong gia đình không chung nhau, tiền của ai làm ra người đó tự quản lý chi tiêu, mỗi người có trách nhiệm với một người con. Ông bà không đánh cãi nhau nhưng tình trạng lúc nào cũng nặng nề, mệt mỏi, không có ai can thiệp và hòa giải được; ông bà không tìm biện pháp gì để khắc phục và cũng không còn quan hệ tình cảm vợ chồng. Cho đến cuối năm 2018 do dịch bệnh Covid-19 xảy ra, ông muốn vợ chồng khắc phục mâu thuẫn nên quyết định về C chung sống với bà H1 nhưng khi quay về thì tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện được, mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra. Sống cùng nhà nhưng bà H1 không nấu cơm cho ông ăn, ông phải báo cơm nhà bên cạnh để ăn, bà H1 có mời các bạn đến nhà liên hoan cũng không bảo ông ăn cùng, ông cũng không được xuống nhà vì có bạn của bà H1 đến. Tình trạng này kéo dài 01 năm thì bà H1 mắc bệnh, phải đi điều trị nhưng do không còn tình cảm nên ông không quan tâm đến sức khỏe của bà H1, bà H1 tự đi chữa bệnh và được con gái đón về ở cùng tại phường C. Khi đi bà H1 mang theo toàn bộ tài sản trong gia đình, bà H1 còn bảo con gái lấy hết toàn bộ giấy tờ tùy thân, giấy tờ nhà đất và giấy người khác vay tiền của ông, ông phải làm đơn kiện lên Công an để yêu cầu bà H1 trả lại, do vậy ông không thể tha thứ cho bà H1 được nữa. Cho đến nay ông bà không chung sống cùng nhau, không liên lạc và không bàn bạc, trao đổi với nhau về bất cứ vấn đề gì, dù bà H1 không đồng ý thì ông vẫn kiên quyết xin ly hôn vì ai cũng đã có cuộc sống riêng của người ấy. Do tuổi cao, sức yếu nên ông bà không chăm sóc được cho nhau, bà H1 và các con không còn tình cảm dành cho ông, ông không đồng ý về đoàn tụ gia đình với bà H1, ông kiên quyết được ly hôn để thoải mái tư tưởng, mỗi người tự định đoạt cuộc sống của mình.

+ Về con chung: ông và bà H1 có 02 con chung là Đỗ Thị Diệu H2, sinh năm 1983 và Đỗ Thị Diệu H3, sinh năm 1990, cả hai con chung đều đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và vay nợ chung: ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; không có vay nợ chung.

* Tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày quan điểm như sau: về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng bà đúng như ông H đã trình bày ở trên. Cuộc sống chung của ông bà sau kết hôn bình thường, cũng có hạnh phúc được khoảng 10 năm, sau khi bà sinh con gái

thứ hai thì ông bà mới phát sinh mâu thuẫn vì ông H thích sinh con trai, từ đó ông H có xúc phạm bà bằng lời nói và hành động, đối xử không tốt với bà. Mâu thuẫn của ông bà còn xuất phát từ vấn đề tiền bạc chi tiêu sinh hoạt và việc phát triển kinh tế trong gia đình, tiền của ai làm ra thì người đó tự quản lý, ông H không đóng góp cùng bà lo cho gia đình nên mới cãi nhau. Khoảng năm 2000 khi cãi nhau ông H có 1 – 2 lần nói đến việc ly hôn nhưng lúc đó bà nghĩ là do ông H tức thì nói vậy, mâu thuẫn có xảy ra nhưng bà thấy bình thường, bà vẫn chịu đựng được, gia đình hai bên không ai hòa giải cho ông bà. Bà không hiểu lý do tại sao năm 2018 ông H lại quay về chung sống với bà, thời gian đó ông bà vẫn ngủ riêng và chỉ ăn chung với nhau được một thời gian ngắn, bà có cảm nhận ông H muốn về đoàn tụ nhưng vẫn tỏ thái độ trịch thượng, gia trưởng, không giúp đỡ bà việc gì trong gia đình, sinh hoạt gia đình lộn xộn, mất vệ sinh, vẫn không đóng góp kinh tế nên bà không chịu đựng được đã phản ứng lại. Bà không còn cam chịu như trước nên gia đình cũng căng thẳng nhưng chỉ một thời gian thì hết, đến năm 2020 bà phát hiện mắc bệnh ung thư phải đi điều trị, thời gian ở viện nhiều hơn ở nhà nhưng ông H cũng không quan tâm và không đưa tiền cho bà chữa trị. Bà không tự chăm sóc được bản thân nên năm 2021 đã phải chuyển đến sinh sống tại phường C cùng với con gái thứ 2 còn ông H một mình ở tại phường C. Từ khi chuyển đi bà và ông H không liên lạc, không quan tâm đến nhau và cũng không có gì để trao đổi. Bà chưa từng có ý định ly hôn với ông H, nhiều năm nay quan hệ vợ chồng bà vẫn như vậy, bà không biết lý do vì sao mà ông H lại kiên quyết xin ly hôn. Bà đã già, con cái cũng đã trưởng thành nên muốn về đoàn tụ, hiện tại ông H vẫn tự chủ động chăm sóc bản thân còn bà sức khỏe yếu không chăm sóc được ông H nhưng cũng sẽ động viên con gái thứ hai về ở cùng để chăm sóc cả bố và mẹ, vì các lý do trên nên ông H xin ly hôn bà không đồng ý.

- Về con chung: ông bà có 02 con chung đúng như ông H đã khai ở trên, hiện cả hai con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: ông bà tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án chia khi ly hôn và không vay nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông H với bà H1, không chấp nhận yêu cầu về đoàn tụ gia đình của bà H1

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Đỗ Đình H yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị H1 hiện cư trú tại địa bàn thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: cuộc hôn nhân giữa ông Đỗ Đình H và bà Nguyễn Thị H1 là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã (nay là thành phố) Cẩm Phả từ năm 1982 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau kết hôn, ông bà về sống tại tổ C, khu E, phường C, thành phố C. Quá trình tham gia tố tụng cả hai ông bà đều khẳng định vợ chồng có mâu thuẫn, tuy nhiên về nguyên nhân và thời điểm phát sinh mâu thuẫn của ông bà khai không giống nhau, ông H luôn khẳng định nhiều năm nay ông bà đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, sống với nhau chỉ vì nghĩa vụ với con cái. Bà H1 cũng khẳng định ông bà chung sống có mâu thuẫn, nguyên nhân từ việc ông H thích sinh con trai rồi việc phát triển kinh tế trong gia đình, không tìm được tiếng nói chung. Căn cứ vào những tài liệu thu thập được, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn của ông H và bà H1 đã kéo dài, tình cảm dành cho nhau không còn, hiện ông bà đã sống ly thân nhau mỗi người ở một nơi, tiền của ai người đó tự quản lý chi tiêu, bà H1 ốm đau, mắc bệnh hiểm nghèo vì không còn tình cảm dành cho bà H1 nên ông H cũng không quan tâm chăm sóc. Bà H1 cũng khẳng định hiện sức khỏe yếu cũng không thể chăm sóc cho ông H khi tuổi đã cao, các con của ông bà cũng đã ổn định cuộc sống, có chỗ ở riêng. Nhiều năm liền bà H1 không muốn ly hôn nhưng cũng không tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn mà bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình, điều này được thể hiện thông qua việc từ năm 2020 khi ông H về chung sống cùng nhà thì ông bà cũng không sinh hoạt chung, không ăn chung, năm 2021 bà H1 về chung sống với con gái thì cả hai ông bà cũng không còn bàn bạc, trao đổi và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn của ông H và bà H1 cơ bản phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của ông bà tại nơi cư trú thể hiện *“khoảng cuối năm 2020 đến nay thì không thấy bà H1 ở tại khu phố..... chỉ nghe ông H và bà H1 có mâu thuẫn, ông H đang ở một mình tại nhà ở C và bà H1 nghe nói đang ở cùng con gái....”*, xác minh tại hàng xóm nơi ở của bà H1 hiện nay cũng thể hiện *“cách đây từ khoảng 3-4 năm khi vợ chồng chị H3 là con gái bà H1 xây nhà tại tổ A, khu L, C thì bà H1 đã ở cùng vợ chồng chị*

H3..... chưa từng thấy chồng của bà H1 ở cùng bà H1” và lời khai của chị Đỗ Thị Diệu H3 là con chung của ông bà cũng khẳng định “bố mẹ tôi không đánh nhau nhưng thỉnh thoảng có cãi nhau về việc bố tôi không chịu đóng góp kinh tế cùng với mẹ tôi để lo cho gia đình, từ nhiều năm trong gia đình tôi tiền của bố mẹ tôi ai làm ra thì người đó tự quản lý chi tiêu, Mẹ tôi ốm bố tôi không đóng góp và cũng không đưa tiền cho mẹ tôi đi chữa bệnh, không quan tâm đến sức khỏe của mẹ tôi, hiện nay bố mẹ tôi mỗi người một nơi, bố mẹ tôi chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc....”, từ những đánh giá và phân tích như đã nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy ông H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H1 là có cơ sở.

Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà H1 đã kéo dài, ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông H đối với bà H1 mà không chấp nhận yêu cầu về đoàn tụ gia đình của bà H1.

+ Về con chung: ông Đỗ Đình H và bà Nguyễn Thị H1 có 02 con chung là Đỗ Thị Diệu H2, sinh năm 1983 và Đỗ Thị Diệu H3, sinh năm 1990, đều đã trưởng thành và hoàn toàn khỏe mạnh nên Tòa án không xem xét.

+ Về tài sản và công nợ chung: cả hai đương sự đều khẳng định tự thỏa thuận chia, không có công nợ chung.

[3] Về án phí: ông Đỗ Đình H là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa ông Đỗ Đình H với bà Nguyễn Thị H1.
2. Về án phí: miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Đỗ Đình H.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- Chi cục THADS thành phố Cẩm Phả;
- UBND phường Cẩm Trung, TP Cẩm Phả;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh